

# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 20, 15 - 19/05/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

## 'Chứng khoán toàn cầu lạc quan trước cuộc đàm phán trần nợ công Mỹ'

Chứng khoán Mỹ có một tuần tích cực do các dấu hiệu cho thấy thỏa thuận tăng trần nợ của Mỹ sắp kết thúc. S&P 500 và Nasdaq đóng cửa ở mức cao nhất kể từ tháng 8/2022. Lợi suất trái phiếu tăng sau khi các quan chức Fed đề xuất tăng lãi suất thêm 1 lần nữa vào tháng 6.

Chứng khoán Châu Âu, Stoxx600 sẽ kết thúc tuần với mức tăng nhẹ 0.2%. Dữ liệu cho thấy giá sản xuất của Đức tăng thấp hơn dự kiến lên 4.1% trong tháng 4; niềm tin của người tiêu dùng trong nước đã tăng lên mức cao nhất trong 15 tháng; khả năng Ngân hàng Trung ương châu Âu tiếp tục tăng lãi suất.

Các thị trường ở châu Á-Thái Bình Dương giao dịch trái chiều. Shanghai Composite giảm 1.9% với dữ liệu kinh tế vĩ mô trong tuần này cho thấy hoạt động trong nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đang mất đà. Nikkei 225 đã đạt được mức tăng cao nhất từ năm 1990, với 7 phiên tăng điểm liên tiếp được thúc đẩy bởi một mùa thu nhập tổng thể rất tốt; nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi.

Dầu thô WTI giao dịch ổn định quanh mức 72 USD/ thùng. EIA dự báo nhu cầu dầu toàn cầu dự kiến sẽ vượt quá nguồn cung 2 triệu thùng mỗi ngày trong nửa cuối năm 2023, chủ yếu đến từ Trung Quốc. Trong khi đó, cháy rừng ở các khu vực sản xuất dầu lớn ở Canada và việc Iran bắt giữ các tàu chở dầu có nguy cơ làm gián đoạn nguồn cung.

Chứng khoán Việt Nam: Thị trường Việt Nam có một tuần giao dịch kém tích cực với chỉ số VNINDEX giảm -1.24% đạt mức 1,067.07; dòng tiền thường khá thận trọng trong tuần đảo hạn phái sinh. Nhìn chung, thanh khoản duy trì được mức trung bình và vẫn sẽ đi ngang một thời gian nữa cho tới khi có thông tin hỗ trợ thật sự tích cực. Các đợt chốt lời ngắn hạn trong tuần cũng ảnh hưởng tới chỉ số khi thường giảm điểm sau 14h00 hàng ngày.

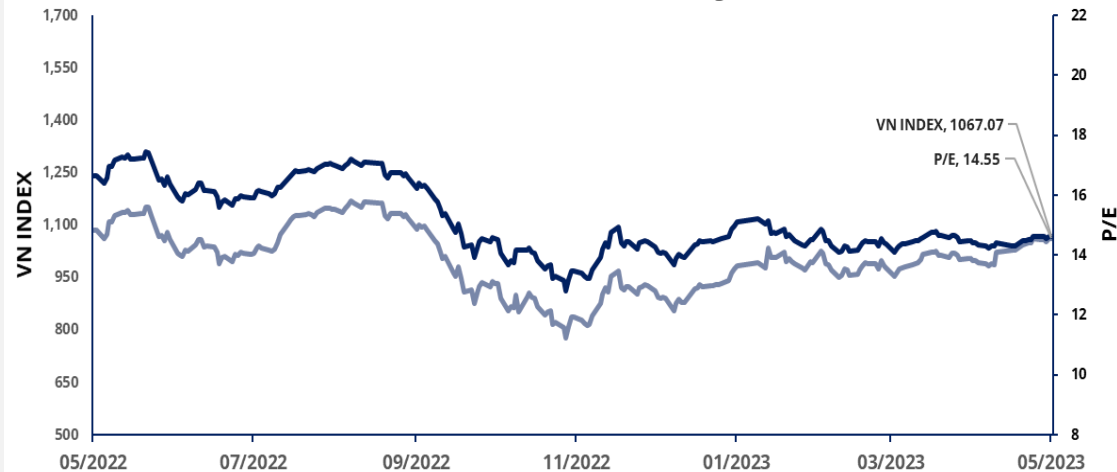
Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số được giao dịch trên MA 20 và trên vùng hỗ trợ 1,060 điểm là một tín hiệu không quá tiêu cực đối với thị trường. Chỉ báo MACD cho thấy động lượng giá tăng vẫn còn nhưng đã có phần giảm so với các tuần trước. Chỉ báo RSI trung lập không cho thấy được xu hướng của sức mạnh giá.

Nhà đầu tư hạn chế đầu cơ các cổ phiếu nhỏ thay vào đó là mua tích lũy những cổ phiếu giá trị để có khả năng sinh lời tốt hơn.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi					Xu hướng	Định giá		
		1W	1M	3M	YTD	P/E		P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)	
VN-Index	1,067	0.0	1.7	0.7	6.0		14.5	1.6	182	
Upcom Index	81	1.3	3.8	2.7	13.2		12.3	1.6	43	
HNX Index	214	-0.6	3.9	1.9	4.2		26.3	1.2	11	
VN30 Index	1,069	0.2	1.2	1.4	6.3		12.0	1.6	131	
S&P 500 Index	4,198	1.8	1.0	2.9	9.3		20.0	4.0	36,528	
STOXX Europe 600 Index	468	0.6	0.0	0.9	10.2		13.6	1.8	13,626	
Hang Seng	19,468	-0.8	-4.4	-6.0	-1.6		10.6	1.2	2,830	
Nikkei 225	30,808	4.8	7.7	12.0	18.1		30.1	1.8	3,920	
SHCOMP Index	3,284	0.3	-2.6	1.8	6.3		14.9	1.4	6,875	
STI Index	3,199	-0.3	-3.8	-3.9	-1.6		12.8	1.1	366	
KOSPI Index	2,538	2.5	-1.4	3.5	13.5		14.6	0.9	1,451	

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Mỹ Mỹ

(84-28) 6299-7276

tmy.vm@shinhan.com

[Chuyên viên phân tích] Trí Võ

(84-28) 90 992 6972

tri.vo@shinhan.com

Mở tài khoản



# WEEKLY SNAPSHOT

## Theo vốn hóa và ngành

### Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa				% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		Vốn hóa (Tỷ VND)
	1W	1M	1M	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	
▶ Large Cap	0.2	1.4	5.2	24.9	31.7	19.3	61.4	3.5	11.9	1.7	3,666,644
Mid Cap	-1.1	3.7	11.9	6.8	20.9	28.4	35.2	-3.6	18.7	1.1	517,825
▶ Small Cap	0.7	4.8	9.4	24.1	61.1	97.2	3.4	0.2	41.3	0.7	67,813

### Theo ngành

Tên ngành				% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		Vốn hóa (Tỷ VND)
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	
Truyền thông	3.4	-3.4	35.4	-5.5	70.0	40.3	0.0	0.0	6.9	0.8	1,193
▶ Công nghệ Thông tin	2.8	4.6	7.7	51.8	81.1	68.3	1.0	0.2	17.2	2.7	103,768
▶ Tiện ích	1.5	2.5	2.3	22.0	29.9	33.1	2.3	0.1	11.8	1.9	311,598
Bất động sản	1.4	2.9	5.0	3.8	13.3	33.1	22.7	-3.1	13.6	1.4	789,519
Dầu khí	1.0	5.4	21.1	12.0	71.5	42.0	1.6	-0.1	33.3	2.1	60,810
▶ Du lịch và Giải trí	0.9	-0.7	-9.7	111.2	119.8	111.4	1.1	0.5	n.a	8.1	91,766
Dược và Y tế	0.8	12.6	13.4	-35.2	-30.2	2.8	0.2	-0.2	13.3	2.0	34,543
▶ Ô tô & Phụ tùng	0.7	-0.9	-0.5	18.4	9.3	24.2	0.5	0.0	10.9	1.0	13,324
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.4	1.2	5.2	0.4	22.6	45.0	4.3	-0.7	11.3	1.1	110,428
Ngân hàng	0.3	2.5	12.3	41.5	43.8	6.4	18.2	3.0	8.3	1.5	1,527,125
Tài chính	-0.3	7.6	32.2	23.8	39.5	39.2	16.8	0.8	30.6	1.2	124,067
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.6	-1.6	-7.5	12.4	-0.6	15.7	1.0	0.0	10.9	1.6	47,942
Thực phẩm và đồ uống	-1.7	-4.7	-9.6	22.5	10.7	19.7	7.4	0.3	24.1	2.5	447,113
Bán lẻ	-1.9	-5.1	-8.7	12.0	-8.0	-8.9	1.8	-0.1	20.7	2.3	76,013
Xây dựng và vật liệu	-2.2	4.3	19.1	23.1	50.1	34.5	8.1	0.3	6.9	1.0	104,537
Bảo hiểm	-2.2	-1.7	-1.1	66.0	79.7	79.8	0.4	0.1	17.5	1.5	44,968
Tài nguyên cơ bản	-2.4	4.1	20.1	8.3	34.6	5.1	8.9	-0.8	n.a	1.2	168,175
Hóa chất	-2.6	2.9	2.6	6.2	17.2	23.5	3.7	-0.4	7.9	1.1	134,288

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
<b>Tổng các quỹ ETF</b>	<b>3,662</b>	<b>-0.4</b>	<b>-75.1</b>	<b>8.5</b>	<b>253.6</b>
<b>Nước ngoài</b>	<b>2,512</b>	<b>1.2</b>	<b>-63.9</b>	<b>34.0</b>	<b>244.8</b>
VanEck Vectors Vietnam ETF	501	1.2	-27.5	-24.2	65.0
Fubon FTSE Vietnam ETF	830	0.0	4.6	70.2	71.7
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	675	0.0	-41.7	-26.9	96.9
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	333	0.0	0.8	10.4	57.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	142	0.0	0.0	3.6	-47.8
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.0	0.0	0.3	0.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.6	1.3
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
<b>Trong nước</b>	<b>1,150</b>	<b>-1.7</b>	<b>-11.2</b>	<b>-25.5</b>	<b>8.8</b>
DCVFMVN Diamond ETF	601	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	345	-1.3	-9.7	-19.0	9.4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	164	-0.3	-1.7	-7.0	-0.5
MAFN VN30 ETF	27	0.0	0.1	-0.2	-0.2
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.1	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.0	0.1	0.6	0.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-8,437	48,189	48,189
Ấn độ	535	2,766	4,689	2,207
Indonesia	-9	-199	629	1,075
Nhật Bản*	5,957	8,725	34,505	22,689
Maylaysia	-38	-53	-109	-532
Philippines	-89	-11	-30	-30
Hàn Quốc	1,101	1,173	1,789	7,258
Sri Lanka	0	0	3	3
Đài Loan	1,321	409	-2,144	5,827
Thái Lan	-277	-427	-658	-2,304
Việt Nam	-8	-34	-142	77

\*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

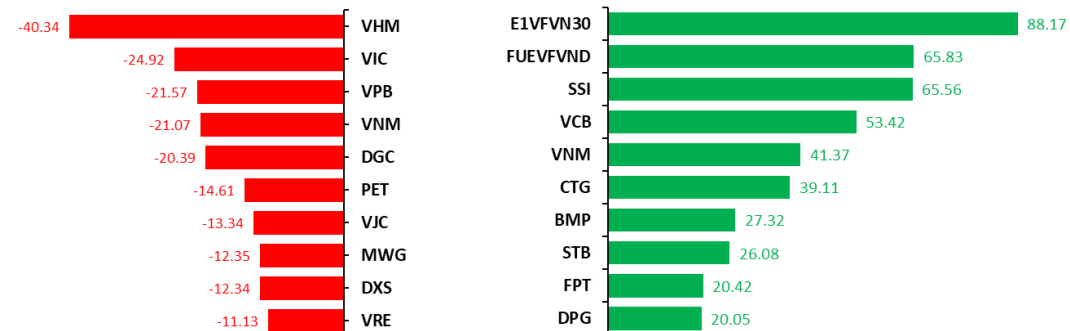
Chú thích:

- WTD: từ đầu tuần
- MTD: từ đầu tháng
- QTD: từ đầu quý
- YTD: từ đầu năm

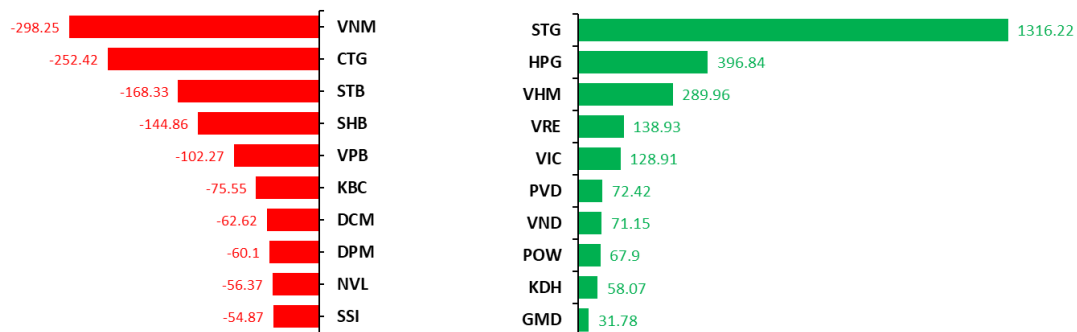
# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-34	375	-475	100
Tài nguyên Cơ bản	16	401	-486	85
Truyền thông	0	2	-2	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4	37	192	-229
Y tế	1	1	-1	0
Hóa chất	-16	-108	143	-35
Dịch vụ tài chính	208	13	-136	123
Du lịch và Giải trí	-3	17	56	-73
Ngân hàng	122	-628	1,021	-392
Xây dựng và Vật liệu	54	-12	-35	47
Thực phẩm và đồ uống	29	-309	278	31
Bán lẻ	-27	-30	39	-9
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14	86	-88	1
Hàng cá nhân & Gia dụng	10	-38	35	3
Công nghệ Thông tin	20	1	-38	37
Ô tô và phụ tùng	0	-1	3	-2
Bảo hiểm	2	-57	67	-10
Dầu khí	2	54	-92	39
<b>Tổng</b>	<b>394</b>	<b>-196</b>	<b>479</b>	<b>-283</b>

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

# WEEKLY SNAPSHOT

## Top cổ phiếu đáng chú ý

### HSX \*

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HBC	Xây dựng và Vật liệu	6.28 - 22.24	7.9	-12.09%
2	TVB	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.90 - 10.30	4.8	-8.33%
3	BMP	Xây dựng và Vật liệu	48.10 - 87.00	75.5	-8.15%
4	IBC	Dịch vụ tài chính	2.26 - 20.55	2.4	-7.66%
5	HQC	Sản xuất nông nghiệp	1.50 - 6.49	4.5	-7.60%

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
34.69%	13.2	8.96 - 20.20	Thực phẩm và đồ uống	DAT
24.18%	5.7	2.53 - 9.60	Xây dựng và Vật liệu	CIG
15.77%	2.8	1.30 - 5.65	Hóa chất	QBS
13.24%	12.4	7.21 - 13.50	Xây dựng và Vật liệu	LM8
12.77%	2.8	9.82 - 29.75	Thực phẩm và đồ uống	DBC

\* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

### HNX

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	KHS	Thực phẩm và đồ uống	10.70 - 33.10	16.7	-20.48%
2	SJ1	Thực phẩm và đồ uống	10.90 - 17.50	12.0	-13.67%
3	CLM	Tài nguyên Cơ bản	32.00 - 107.00	57.8	-11.76%
4	SMT	Công nghệ Thông tin	6.50 - 16.80	7.9	-10.23%
5	V21	Bất động sản	3.00 - 8.80	4.6	-9.80%

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
44.12%	4.9	2.40 - 5.70	Xây dựng và Vật liệu	VE1
21.43%	3.4	2.50 - 11.50	Xây dựng và Vật liệu	KTT
20.29%	82.4	68.50 - 105.00	Thực phẩm và đồ uống	HHC
18.83%	83.3	58.40 - 92.00	Thực phẩm và đồ uống	SGC
16.88%	9.0	7.70 - 12.60	Tài nguyên Cơ bản	KMT

### Upcom

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VIW	Xây dựng và Vật liệu	8.70 - 20.00	10.2	-38.18%
2	DXL	Du lịch và Giải trí	2.30 - 15.50	10.4	-32.90%
3	TA3	Xây dựng và Vật liệu	4.70 - 8.30	4.7	-22.95%
4	VQC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.00 - 23.50	13.3	-21.30%
5	BDT	Xây dựng và Vật liệu	13.70 - 48.30	14.4	-20.88%

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
71.43%	144.0	43.00 - 181.00	Truyền thông	VEF
51.09%	13.9	9.10 - 18.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PAP
44.44%	3.9	1.70 - 5.00	Xây dựng và Vật liệu	L45
40.93%	30.3	17.03 - 37.59	Y tế	TVP
31.50%	35.9	13.50 - 35.90	Xây dựng và Vật liệu	XDC

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

### Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	<b>BIC</b>	Bảo hiểm BIDV	Bảo hiểm	2,676.3	334.7	28.8	20.35 - 32.00	-2.2
2	<b>VJC</b>	Vietjet Air	Du lịch và Giải trí	71,614.5	174.1	98.7	94.00 - 133.20	1.5
3	<b>BMI</b>	Bảo hiểm Bảo Minh	Bảo hiểm	9,543.9	153.0	23.8	15.50 - 34.55	5.1
4	<b>TLG</b>	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	3,792.8	106.4	56.1	34.60 - 71.00	4.9
5	<b>EVF</b>	Tài chính Điện lực	Dịch vụ tài chính	5,416.5	104.4	8.5	6.01 - 11.37	9.1
6	<b>DXS</b>	Dịch vụ BĐS Đất Xanh	Bất động sản	18,045.0	102.5	6.7	4.04 - 20.91	0.0
7	<b>PVD</b>	Khoan Dầu khí PVDrilling	Dầu khí	131,591.0	93.4	23.5	11.90 - 23.75	4.5
8	<b>HBC</b>	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	71,079.1	85.9	7.9	6.28 - 22.24	-12.1
9	<b>VIB</b>	VIBBank	Ngân hàng	132,882.0	83.9	21.4	16.20 - 27.30	4.4
10	<b>VHM</b>	Vinhomes	Bất động sản	105,213.0	79.0	54.1	39.40 - 70.50	5.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

# WEEKLY SNAPSHOT

## Những dữ liệu vĩ mô khác

### Tỷ giá

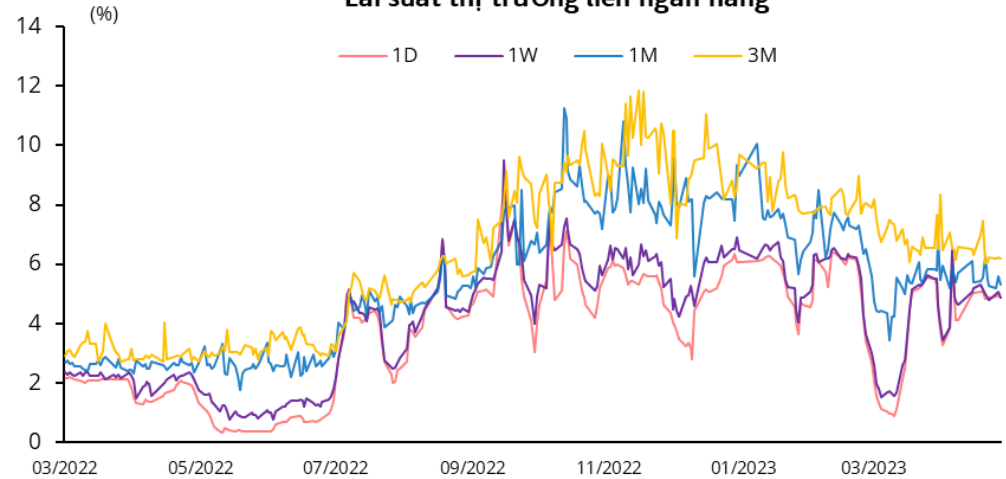
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	103.46	0.76	1.47	-0.38	-0.06	
VND/USD	23,478	0.07	-0.12	-1.42	-0.66	
KRW/USD	1,326.60	-0.59	0.06	2.48	4.83	
JPY/USD	138.14	1.80	2.54	2.90	5.35	
EUR/USD	0.93	0.66	1.64	-0.85	-0.67	
SGD/USD	1.35	0.63	0.91	0.82	0.54	
CNY/USD	7.03	0.95	2.04	2.48	1.84	

### Hàng hóa

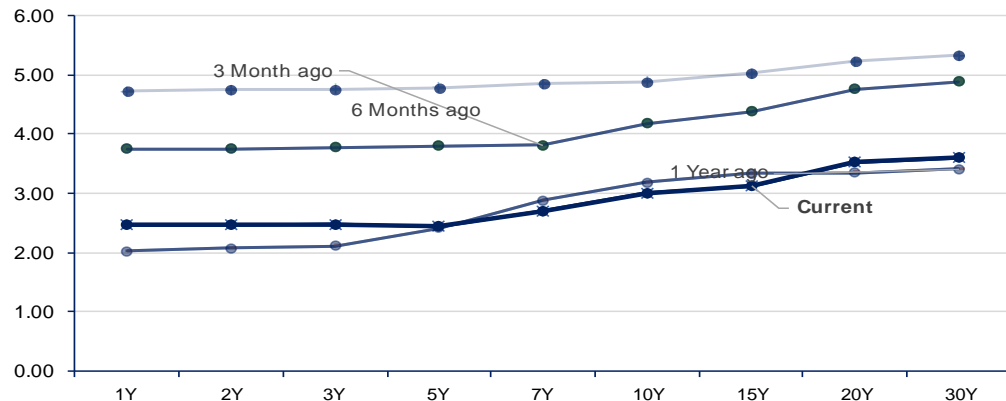
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	72.29	3.21	-8.68	-5.31	-9.93	
Xăng	259.97	6.97	-1.73	7.95	5.70	
Gas	2.59	14.12	16.38	13.67	-42.21	
Than	159.35	-2.24	-15.37	-23.88	-60.57	
Vàng	1,965.89	-2.23	-1.46	6.76	7.78	
Bạc	23.75	-0.93	-6.11	8.84	-0.87	
Platinum	1,059.18	0.58	-3.06	14.00	-1.41	
Quặng sắt	107.27	2.36	-10.86	-14.14	-3.60	
Thép cán	3,830.00	0.92	-9.61	-11.32	-7.64	
Lúa mì	614.00	-1.68	-9.94	-19.79	-22.47	
Ngô	555.75	-12.24	-17.33	-18.00	-18.09	
Gõ	#N/A N/A	#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

### Lãi suất thị trường liên ngân hàng



### Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.46	2.46	2.47	2.43	2.70	3.01	3.12	3.52	3.61
Thay đổi (BPS)*	-0.70	-1.20	-2.10	-7.80	-3.50	-2.00	-1.90	-1.60	-2.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

\*Thay đổi so với tuần trước đó



# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd  
Shinhan Investment Tower  
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,  
Seoul, Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.  
1325 Avenue of the Americas Suite 702,  
New York, NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.  
Unit 7705 A, Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon, Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.  
22-23, Jakarta, Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.  
Shanghai Representative Office  
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,  
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,  
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
Hanoi Branch  
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,  
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,  
Hanoi, Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000

## Thông báo Tuân thủ

- ♦ Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- ♦ Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- ♦ Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- ♦ Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- ♦ Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- ♦ Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- ♦ Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.